

THỰC TRẠNG HỨNG THÚ CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÁI NGUYÊN VỚI HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ THỂ THAO

Đỗ Ngọc Cường*

Tóm tắt:

Hứng thú có vai trò thúc đẩy con người tham gia tích cực vào hoạt động. Do vậy, một yếu tố quan trọng để nâng chất lượng công tác Giáo dục thể chất (GDTC) là khơi dậy hứng thú của người học với các hoạt động GDTC và thể thao. Qua nghiên cứu tài liệu, phỏng vấn, quan sát sự phạm, kiểm tra sự phạm để tài đánh giá thực trạng hứng thú với hoạt động GDTC và Thể thao của sinh viên Trường ĐH Sư phạm - ĐH Thái Nguyên (ĐHSP Thái Nguyên). Hứng thú của sinh viên được đánh giá qua các dấu hiệu cụ thể về mặt nhận thức, cảm xúc, hành động cũng như kết quả của quá trình tập luyện.

Từ khóa: Hứng thú học tập, tích cực hoạt động, giáo dục thể chất và thể thao.

Current situation of student's interest in physical education and sports activities at Thai Nguyen University of Education

Summary:

Excitement plays a role in motivating people to participate actively in activities. Therefore, an important factor to improve the quality of physical education (PE) is to stimulate learners' interest in the PE activities. Through document research, interviews, pedagogical observation and examination, the topic evaluates the Current situation of student's interest in physical education and sports activities at Thai Nguyen University of Education. Student's interest is assessed through the specific such as signs of cognition, emotion, action as well as the results of training process.

Keywords: Learning interest, active, physical education and sports.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Hứng thú có vai trò thúc đẩy con người tham gia tích cực vào hoạt động. Một người có hứng thú cao với hoạt động nào đó thì họ sẽ tìm thấy niềm vui trong hoạt động đó và thực hiện nó một cách dễ dàng, có hiệu quả cao, tạo ra xúc cảm dương tính mạnh mẽ với lĩnh vực, hoạt động đó. Do vậy, hiệu quả đạt được sẽ cao hơn.

Trong công tác Giáo dục thể chất (GDTC), việc hình thành và phát triển hứng thú cho sinh viên đồng nghĩa với việc tạo ra xúc cảm dương tính mạnh mẽ của sinh viên. Từ đó sinh viên sẽ tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động thể thao. Qua đó nâng cao hiệu quả công tác GDTC và thể thao cho sinh viên. Muốn vậy, trước hết phải nắm bắt được đặc điểm tâm lý và những biểu hiện về mặt hứng thú của sinh viên với hoạt động GDTC và thể thao. Đó là cơ sở để đánh giá thực trạng và nghiên cứu biện pháp nâng cao hứng thú cho sinh viên trong hoạt động này.

Tại trường ĐHSPT Thái Nguyên, công tác GDTC và các hoạt động thể thao cho sinh viên luôn được lãnh đạo nhà trường và khoa TĐTT quan tâm. Chương trình GDTC cho sinh viên đã có những đổi mới và đạt được kết quả nhất định. Tuy vậy, công tác GDTC vẫn còn những mặt tồn tại nhất định do nhiều nguyên nhân chủ quan, khách quan khác nhau nên sinh viên chưa tích cực, chủ động trong các hoạt động GDTC và thể thao của Trường. Hiệu quả công tác GDTC chưa cao. Do vậy, việc đánh giá thực trạng mức độ hứng thú của sinh viên với các hoạt động GDTC và thể thao để làm cơ sở xây dựng các biện pháp góp phần nâng cao chất lượng công tác GDTC cho sinh viên là cần thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp quan sát sự phạm; Phương pháp kiểm tra sự phạm và Phương pháp toán học thống kê.



Hứng thú học tập cao là điều kiện đảm bảo cho học tập GDTC đạt hiệu quả tốt nhất (Ảnh minh họa)

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Xác định cơ sở lý luận về hứng thú của sinh viên với hoạt động Giáo dục thể chất và thể thao

Chúng tôi tìm hiểu hứng thú với hoạt động GDTC và thể thao của sinh viên thông qua nghiên cứu lý luận về hứng thú, đặc điểm tâm lý, hoạt động cơ bản của sinh viên.

Khái niệm: Hứng thú với hoạt động GDTC và thể thao của sinh viên là thái độ lựa chọn đặc biệt của sinh viên đối với nội dung, hình thức nào đó của hoạt động GDTC và thể thao, do thấy được sự hấp dẫn và ý nghĩa thiết thực của nó với bản thân.

Biểu hiện hứng thú với hoạt động GDTC và thể thao của sinh viên

Hứng thú với các hoạt động GDTC và thể thao của sinh viên được biểu hiện qua các dấu hiệu cụ thể về mặt nhận thức, cảm xúc và hành động. Những biểu hiện này khá đa dạng, phức tạp, có thể đan xen nhau.

Biểu hiện về mặt nhận thức: sinh viên tích cực tìm hiểu và nhận thức đầy đủ về mục đích, ý nghĩa, tác dụng của TDTT, đây là nguyên nhân của sự yêu thích.

Biểu hiện về xúc cảm: Sinh viên có xúc cảm tích cực (yêu thích, say mê...) với các hoạt động TDTT. Các em thực sự yêu thích hoạt động TDTT (môn thể thao, hình thức tập luyện... nào đó) và coi đó là niềm vui, hạnh phúc khi được tham gia.

Biểu hiện về mặt hành động:

Đối với các hoạt động GDTC chính khóa:

- Chấp hành tốt nội quy của giờ học (đúng giờ, trang phục đúng quy định...);
- Chú ý lắng nghe, quan sát giảng viên giảng dạy và thực hiện động tác mẫu;

- Tích cực, chủ động với các hoạt động trên lớp;

Đối với các hoạt động TDTT ngoại khóa:

- Tích cực chủ động tham gia các hoạt động ngoại khóa, các CLB thể thao;

- Tìm hiểu kiến thức liên quan đến môn học GDTC và lĩnh vực thể thao;

- Tuyên truyền, vận động mọi người tham gia tập luyện TDTT.

Biểu hiện về mặt kết quả: Kết quả học tập, rèn luyện tốt. Hoàn thành tốt các yêu cầu của môn học; đạt tiêu chuẩn về thể lực theo quy định; có đóng góp tích cực cho giờ học và các hoạt động thể thao của lớp, trường cũng như địa phương.

Mức độ hứng thú với hoạt động GDTC và thể thao của sinh viên

Chúng tôi xác định 3 cấp độ của hứng thú đối với hoạt động GDTC và thể thao:

- **Hứng thú cao:** Có cảm xúc dương tính mạnh mẽ với hoạt động GDTC và thể thao do có nhận thức đúng và đủ về hoạt động này. Sinh viên tích cực, chủ động cao trong việc nắm bắt và tham gia vào các hoạt động.

- **Hứng thú:** Có xúc cảm dương tính ở mức vừa phải; Nhận thức đúng hoặc tương đối đúng,

BÀI BÁO KHOA HỌC

đủ; Tích cực tham gia hoạt động nhưng chưa ở mức chủ động cao.

- **Không hứng thú:** Không có xúc cảm dương tính, chưa có nhận thức hoặc nhận thức sai.

Không có hành động tích cực, chủ động để chiếm lĩnh và tham gia hoạt động. Hoặc giữa 3 mặt xúc cảm - nhận thức - hành động chưa có sự tương quan, đồng bộ (VD: rất yêu thích thể thao nhưng

Bảng 1. Nhận thức của SV về tác dụng của GDTC và TT (n=385)

TT	Ý nghĩa, tác dụng của Giáo dục thể chất và thể thao	Tác dụng cao		Bình thường		Ít tác dụng		Không có tác dụng	
		m _i	%	m _i	%	m _i	%	m _i	%
1	Phát triển thể lực	381	98.96	4	1.04	0	0	0	0
2	Phát triển kỹ năng, kỹ xảo VĐ	380	98.70	5	1.30	0	0	0	0
3	Hình thể cân đối	320	83.12	65	16.88	0	0	0	0
4	Phòng, chống bệnh tật	195	50.65	115	29.87	73	19.86	2	0.52
5	Giải trí, thư giãn	145	37.66	105	27.27	98	25.45	37	9.61
6	Rèn luyện bản lĩnh, khả năng thích nghi với cuộc sống	87	22.60	99	25.71	147	38.18	52	13.51
7	Phát triển trí nhớ, tư duy, tự tin	32	8.31	53	13.77	193	50.13	107	27.79
8	Mở rộng quan hệ xã hội	51	13.25	92	23.90	172	44.68	70	18.18

chưa tích cực tham gia hoạt động, hoặc rất tích cực tham gia nhưng không xuất phát từ sự yêu thích mà vì những mục đích tiêu cực...).

Tóm lại: Từ góc nhìn này chúng ta có thể thấy mức độ hứng thú của sinh viên với hoạt động GDTC và thể thao phần nào đó thể hiện chất lượng của công tác GDTC.

2. Thực trạng hứng thú của sinh viên Trường ĐHSPT Thái Nguyên với hoạt động giáo dục thể chất

Chúng tôi đã đánh giá thực trạng hứng thú của SV Trường ĐHSPT Thái Nguyên qua kết quả khảo sát 385 SV (281 nữ, 104 nam) tại thời điểm đầu học phần GDTC 2.

Về nhận thức: Kết quả khảo sát được tổng hợp tại bảng 1 cho thấy nhận thức của sinh viên

về ý nghĩa, tác dụng của GDTC và thể thao còn chưa đầy đủ.

- Sinh viên đánh giá "cao" ý nghĩa, tác dụng của hoạt động GDTC và thể thao đối với sự phát triển thể lực (98.96%), kỹ năng, kỹ xảo vận động (98.70%) và sự cân đối về hình thể (83.12%).

- Tỷ lệ sinh viên đánh giá "cao" giá trị của GDTC và thể thao đối với phòng chống bệnh tật không nhiều (50.65%). Có đến 19.86% sinh viên được hỏi cho rằng GDTC và thể thao "ít có tác dụng" trong việc phòng, chống bệnh tật.

- Giá trị của GDTC và thể thao với giải trí, thư giãn và rèn luyện khả năng thích nghi với cuộc sống cũng không được nhiều SV đánh giá cao. Chỉ có 22.60% đến 37.66% sinh viên đánh

Bảng 2. Mức độ yêu thích với hoạt động GDTC và TT của SV (n=385)

TT	Nội dung	Mức độ	m _i	Tỷ lệ %
1	Các hoạt động trong giờ học Giáo dục thể chất	Rất yêu thích	26	6.75
		Yêu thích	98	25.45
		Không thích	261	67.79
2	Các hoạt động thể thao do khoa và nhà trường tổ chức	Rất yêu thích	35	9.09
		Yêu thích	130	33.77
		Không thích	220	57.14
3	Các chương trình truyền hình thể thao	Rất yêu thích	30	7.79
		Yêu thích	111	28.83
		Không thích	244	63.38

Bảng 3. Kết quả khảo sát biểu hiện về hành động của SV với hoạt GDTC và TT (n=385)

TT	Biểu hiện	Mức độ	Kết quả	
			m _i	%
1	Chấp hành nội quy giờ học (đúng giờ, trang phục...)	Chấp hành đầy đủ	314	81.56
		Thỉnh thoảng vi phạm	71	18.44
		Thường xuyên vi phạm	0	0
2	Nghe, quan sát giảng viên giảng dạy và thực hiện động tác mẫu.	Thường xuyên chủ ý	135	35.06
		Thỉnh thoảng mới chủ ý	210	54.55
		Chưa bao giờ chủ ý	39	10.13
3	Thực hiện các hoạt động tập luyện trong giờ học	Tích cực, chủ động	61	15.84
		Hoàn thành, gương ép	227	58.96
		Thực hiện 1 phần cho có	97	25.19
4	Tập luyện ngoài giờ học, tham gia các CLB thể thao	Thường xuyên	35	9.09
		Thỉnh thoảng	208	54.03
		Chưa bao giờ	142	36.88
5	Tìm hiểu kiến thức, tuyên truyền, vận động mọi người tham gia tập luyện TDTT	Thường xuyên	21	5.45
		Thỉnh thoảng	101	26.23
		Chưa bao giờ	263	68.31

giá ở mức “tác dụng cao”; 25.45% đến 38.18% đánh giá “ít tác dụng”; và 9.61% đến 13.51% đánh giá “không có tác dụng”.

Về tác dụng của GDTC và thể thao với sự phát triển trí nhớ, tư duy, tự tin và quan hệ xã hội thì không ít sinh viên (18.18% đến 27.79%) cho rằng “không có tác dụng”; 38.18% đến 50.13% cho rằng “ít tác dụng”.

Về mặt cảm xúc: Tỷ lệ sinh viên có những cảm xúc tích cực, dương tính với các hoạt động GDTC và thể thao còn ít. Kết quả khảo sát về mức độ yêu thích đối với giờ học GDTC, các hoạt động thể thao và các chương trình truyền hình về thể thao được tổng hợp tại Bảng 2 cho thấy chỉ từ 6.75% đến 9.09% sinh viên lựa chọn mức “rất yêu thích”; 25.45% đến 33.77% lựa chọn mức “yêu thích”; và có từ 57.14% đến 67.79% “không thích”.

Về mặt hành động: Kết quả khảo sát tổng hợp tại Bảng 3 cho thấy đa số sinh viên chỉ có biểu hiện dương tính với các hành động mang tính bắt buộc (nội quy của giờ học). Ít sinh viên có biểu hiện mang tính tự giác, tích cực với các hoạt động.

- Đa số (81.56%) sinh viên “chấp hành đầy đủ” nội quy của giờ học thể dục; 18,44% “thỉnh

thoảng” vi phạm; và không có ai thường xuyên vi phạm.

- Chỉ có 35.06% sinh viên “thường xuyên chủ ý” đến hoạt động giảng dạy và làm mẫu của giảng viên; Có đến 54.55% “thỉnh thoảng mới chủ ý” và 10.13% “không bao giờ” để ý đến.

- Đối với các hoạt động tập luyện trong giờ học thì chỉ có 15.84% sinh viên thể hiện sự “tích cực, chủ động”; 58.96% hoàn thành nhiệm vụ tập luyện với thái độ “gương ép”; và có đến 25.19% chỉ “thực hiện một phần cho có”.

- Tỷ lệ sinh viên tập luyện ngoài khóa còn ít. Chỉ có 9.09% sinh viên trả lời “thường xuyên” tập luyện; 54.03% “thỉnh thoảng” mới tập; và có đến 68.31% không bao giờ tập ngoài khóa.

- Việc chủ động tìm hiểu kiến thức cũng như tuyên truyền, vận động người khác tham gia các hoạt động thể thao cũng được rất ít sinh viên quan tâm. Chỉ có 5.45% sinh viên “thường xuyên” thực hiện việc này; 26.23% “thỉnh thoảng” thực hiện và có đến 68.31% “chưa bao giờ” thực hiện.

Về mặt kết quả: Đề tài đánh giá trình độ thể lực chung và tổng hợp kết quả học tập học phần GDTC I của sinh viên. Kết quả được tổng hợp tại bảng 4 + 5 và bảng 5.

Bảng 4. Thở lục chung của sinh viên (n=385)

TT	Nội dung	Loại					
		Tốt		Đạt		Không đạt	
		m ₁	%	m ₁	%	m ₁	%
1	Bật xa tại chỗ	106	27.53	201	52.21	78	20.26
2	Chạy 30m xuất phát cao	92	23.9	228	59.22	65	16.88
3	Chạy con thoi 4x10m	109	28.31	200	51.95	76	19.74
4	Chạy tùy sức 5 phút	27	7.01	234	60.78	124	32.21
5	Đánh giá tổng hợp	58	15.06	195	50.65	132	34.29

Bảng 5. Kết quả học tập học phần GDTC 1 của sinh viên (n = 385)

Học phần	Xếp loại									
	A (8.5 - 10)		B (7 - 8.4)		C (5.5 - 6.9)		D (4 - 5.4)		F (< 4)	
	m ₁	%	m ₁	%	m ₁	%	m ₁	%	m ₁	%
GDTC 1	49	10.13	62	16.1	138	35.84	98	25.45	48	12.47

(Điểm "đạt" là từ điểm D trở lên)

Trình độ thể lực chung của sinh viên (n = 385; 281 nữ, 104 nam) được đánh giá theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT (đối chiếu theo tiêu chuẩn của tuổi 19).

- Kết quả từng nội dung kiểm tra cho thấy đa số (67.79% đến 83.12%) sinh viên có kết quả "tốt" và "đạt". Tuy nhiên tỷ lệ "không đạt" cũng không ít. Cụ thể: Bật xa tại chỗ có 20.26% "không đạt"; Chạy 30m XPC có 16.88% "không đạt"; Chạy 4x10m có 19.74% "không đạt"; Chạy tùy sức 5 phút có đến 32.21% "không đạt".

- Kết quả đánh giá tổng hợp cho thấy còn có đến 34.29% sinh viên "không đạt" trình độ thể lực chung theo lứa tuổi.

Kết quả học tập học phần GDTC 1 của sinh viên tập trung chủ yếu ở khoảng điểm trung bình - yếu (từ 4 đến 6.9 điểm) là C (35.84%) và D (25.45%). Tỷ lệ đạt điểm khá (B) và giỏi (A) không cao, lần lượt là 16.10% và 10.13%. Có 12.47% đạt điểm F (dưới 4 điểm).

Tóm lại: Đa số sinh viên Trường ĐHSPT Thái Nguyên còn ít quan tâm và chưa chú trọng đến hoạt động GDTC và thể thao. Nhận thức của sinh viên về ý nghĩa tác dụng của GDTC và thể thao còn chưa đầy đủ. Họ cũng thiếu chủ động, tích cực với các hoạt động GDTC chính khóa và ngoại khóa. Do vậy kết quả học tập học phần GDTC 1 và kết quả đánh giá trình độ thể lực chung đạt được không cao.

KẾT LUẬN

- Hứng thú với hoạt động GDTC và thể thao của sinh viên được đánh giá qua các biểu hiện cụ thể về mặt nhận thức, cảm xúc và hành động. Cụ thể là:

+ Về mặt nhận thức: Mức độ nhận thức về mục ý nghĩa, tác dụng của TDĐT.

+ Về xúc cảm: Mức độ yêu thích, say mê... với các hoạt động TDĐT.

+ Về mặt hành động: Mức độ tích cực, chủ động với các hoạt động trên lớp và ngoại khóa; Tìm hiểu kiến thức, tuyên truyền, vận động mọi người tham gia tập luyện TDĐT.

- Mức độ hứng thú của sinh viên Trường ĐHSPT Thái Nguyên với hoạt động GDTC và thể thao còn thấp ở tất cả các mặt nhận thức, cảm xúc và hành động. Do vậy kết quả học tập và trình độ thể lực chung còn hạn chế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Bùng và các tác giả (2008), *Những thuộc tính tâm lý điển hình của nhân cách*, NXB ĐHSPT.
2. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức (2009), *Lý luận dạy học đại học*, NXB ĐHSPT.
3. Nguyễn Thạch, Phạm Thành Nghị (2009), *Tâm lý học sư phạm đại học*, NXB ĐHSPT.
4. Lê Văn Xem (2004), *Tâm lý học thể dục thể thao*, NXB ĐHSPT.